

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009-8 - Toán cao cấp

STC : 5(75,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trịnh Công	Chính	3476040005	07/10/1992	,00			Nợ HP
2	Lê Quang	Thư	3476040041	04/04/1991	3,50	5,30	4,80	
3	Nguyễn Thành	Tuân	3476040047	28/02/1990	4,80	5,80	5,50	
4	Phạm Văn	Vũ	3476040054	22/10/1992	,00			Nợ HP
5	Nguyễn Thanh	Huy	3572010930	30/09/1993	,00			Nợ HP
6	Võ Tùng	Hợp	3572011452	30/04/1993	,00			Nợ HP
7	Lê Tấn	Vũ	3572030511	08/11/1991	,00			Nợ HP
8	Phan Minh	Hoàng	3572030595	10/03/1993	,00			Nợ HP
9	Nguyễn Huỳnh	Diễn	3572030919	17/07/1993	,00			Nợ HP
10	Trần Tam	Giác	3572030927	21/06/1993	,00			Nợ HP
11	Đình Đức	Thuận	3572031391	15/04/1992	2,00	1,00	1,30	
12	Huỳnh Văn	Tuân	3572031408	12/07/1993	2,00	5,50	4,50	
13	Hồ Trung	Khang	3572031580	20/06/1993	,00			Nợ HP
14	Vũ Thanh	Việt	3572031608	21/09/1990	3,50	5,00	4,60	
15	Phạm Ngọc	Vĩ	3572031703	16/04/1993	,00			Nợ HP
16	Trần Ngọc	Thọ	3572031822	06/01/1992	7,00	6,80	6,90	
17	Nguyễn Anh	Hầu	3572040938	01/03/1993	4,00			Nợ HP
18	Trần Thị Trúc	Linh	3572041003	01/01/1993	,00			Nợ HP
19	Lê Bá	Duy	3572050501	08/12/1993	2,30			Nợ HP
20	Trịnh Thị Thùy	Trang	3572050561	18/03/1993	,00			Nợ HP
21	Cao Đức	Huy	3572050873	09/12/1993	,00			Nợ HP
22	Lý	Hùng	3572051146	09/04/1993	3,30	5,30	4,70	
23	Lê Tiến	Dũng	3572051699	22/12/1992	4,00	5,00	4,70	
24	Ngô Kiến	Thành	3671010107	09/03/1994	7,50	7,30	7,40	
25	Lâm Hoài	Thanh	3671010130	24/03/1992	7,50	7,80	7,70	
26	Phan Thị	Hậu	3671010164	15/07/1994	6,50	5,50	5,80	
27	Lê Thành	Trọng	3671010253	09/10/1994	6,30	7,50	7,10	
28	Khổng Duy	Khánh	3671010277	10/07/1993	5,00	2,50	3,30	
29	Phan Công	Thìn	3671010291	03/11/1992	6,80			Nợ HP
30	Vũ Biên	Hòa	3671010364	01/01/1994	3,00	5,50	4,80	
31	Nguyễn Trọng	Tú	3671010380	26/09/1994	4,80	8,50	7,40	
32	Vũ Thị Thanh	Xuân	3671010391	06/03/1994	4,00	5,00	4,70	
33	Lê Thị Kim	Linh	3671010405	12/02/1994	5,80	9,00	8,00	
34	Nguyễn Ngọc Phước	Dinh	3671010407	21/11/1993	3,00	7,50	6,20	
35	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3671010483	11/01/1994	7,00	8,00	7,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trầm Kỳ	Huy	3671010578	09/07/1994	6,50	8,00	7,60	
37	Ngô Đình	Khiêm	3671010625	23/12/1993	4,00	6,30	5,60	
38	Nguyễn Tiến	Quảng	3671010666	28/12/1991	5,30	6,00	5,80	
39	Phan Thị Tú	Anh	3671010686	01/09/1993	4,30	6,50	5,80	
40	Lê Anh	Tuấn	3671010755	04/05/1994	7,50	9,00	8,60	
41	Đỗ Văn	Sang	3671010785	29/04/1994	4,80	5,80	5,50	
42	Nguyễn Trọng	Quang	3671010849	23/05/1994	4,50	7,00	6,30	
43	Phạm Bá	Son	3671010916	10/12/1994	2,00	5,50	4,50	
44	Lâm Triệu	Hưng	3671010933	01/10/1994	7,00	6,50	6,70	
45	Hà Nhật	Tâm	3671010939	16/04/1994	6,50	5,00	5,50	
46	Nguyễn Thanh	Trúc	3671011065	16/10/1994	5,50	8,30	7,50	
47	Cổ Ngọc Hoàn	Quý	3671011090	24/02/1994	5,30	6,00	5,80	
48	Nguyễn Thanh	Phát	3671011112	14/09/1994	6,50	5,50	5,80	
49	Nguyễn Huy	Hoàng	3671011145	30/08/1994	8,00	8,30	8,20	
50	Trần Thị Kim	Yến	3671011191	29/06/1994	7,00	8,80	8,30	
51	Nguyễn Văn	Một	3671011217	11/08/1994	3,80	2,00	2,50	
52	Nguyễn Thị	Diễm	3671011224	24/02/1993	6,80			
53	Nguyễn Võ Thanh	Bình	3671011285	30/06/1994	,00			
54	Nguyễn Thị Minh	Châu	3671011473	14/03/1993	6,50	7,30	7,10	
55	Huỳnh Gia	Khánh	3671011614	14/02/1994	4,00	3,00	3,30	
56	Ngô Anh	Toàn	3671011627	28/08/1994	3,30	3,50	3,40	
57	Phạm Nguyễn Anh	Hoàng	3671011846	28/02/1994	3,30	3,50	3,40	
58	Dương Vũ Chí	Công	3671011859	09/06/1994	3,30	1,00	1,70	
59	Trần Thị	Liên	3671011891	22/11/1993	3,00	1,30	1,80	
60	Nguyễn Thị	Trang	3671011896	02/07/1994	6,30	7,80	7,40	
61	Nguyễn Thị Thu	Hương	3671011897	26/01/1994	5,00	7,00	6,40	
62	Lê Văn	Hùng	3671011905	06/03/1994	5,50	5,50	5,50	
63	Trần Thị Như	Trinh	3671011934	20/03/1994	6,80	9,30	8,60	
64	Lê Trung	Nhân	3671011937	01/01/1993	4,00	4,30	4,20	
65	Nhữ Quốc	Tĩnh	3671011939	24/04/1993	,00			Nợ HP
66	Nguyễn Quốc	Trung	3671011964	26/05/1994	3,80	4,80	4,50	
67	Nguyễn Thị	Ngân	3671012007	20/05/1994	,00			Nợ HP
68	Nguyễn Thị	Vy	3671012009	02/10/1994	7,50	8,50	8,20	
69	Đặng Thị	Diễm	3671012014	18/08/1994	8,00	7,50	7,70	
70	Lê Mạnh	Hùng	3671012023	02/10/1994	3,50	7,00	6,00	
71	Lê Đình	Quân	3671012029	28/01/1993	,00	,00	,00	
72	Nguyễn Duy	Tân	3672010323	12/04/1993	2,00	7,30	5,70	
73	Nguyễn Thị Kiều	Nương	3672010370	13/09/1993	7,00	8,80	8,30	
74	Đặng Thanh Thế	Trung	3672010402	12/12/1994	,00			Nợ HP
75	Nguyễn Thị Thu	Loan	3672010441	01/08/1993	6,80	9,00	8,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Hồ Đình	Trung	3672010463	25/09/1993	,00			Nợ HP
77	Lý Huệ	Anh	3672010536	09/05/1993	5,00	8,00	7,10	
78	Đặng Trần Thị Trúc	Linh	3672010547	01/11/1994	6,80	8,30	7,90	
79	Nguyễn Thái	Bảo	3672011548	19/12/1994	,00			Nợ HP
80	Nguyễn Thị Thiên	Hương	3672011626	15/01/1994	6,30	6,00	6,10	
81	Hồ Tú	Tú	3672011669	01/02/1994	7,50	8,30	8,10	
82	Lê Phương	Vy	3672011875	21/09/1994	5,50			
83	Nguyễn Trung	Hiếu	3673010016	10/09/1993	5,00			
84	Trần	Kiệt	3673010076	17/05/1994	3,50	6,00	5,30	
85	Huỳnh Văn	Tuấn	3673010127	11/12/1993	6,00	7,30	6,90	
86	Võ Thị Ngọc	Thuyền	3673010245	01/12/1994	9,00	6,50	7,30	
87	Diệp Tư	Bồi	3673010308	21/10/1994	,00			Nợ HP
88	Nguyễn Thị	Mỹ	3673010387	08/03/1994	7,00	7,00	7,00	
89	Trần Thị Thùy	Dương	3673010414	01/11/1994	2,80	3,50	3,30	
90	Nguyễn Thị Bích	Chi	3673010420	1994	4,80	7,00	6,30	
91	Thái Ngọc Bảo	Trâm	3673010459	03/08/1993	7,00	6,00	6,30	
92	Hoàng Thu	Phương	3673010489	27/11/1994	5,00	6,50	6,10	
93	Đỗ Minh	Trí	3673010517	17/10/1994	,00			Nợ HP
94	Võ Thị Thanh	Thuý	3673010599	19/09/1994	4,30	7,00	6,20	
95	Ngô Thanh	Tâm	3673010601	1993	6,50	6,30	6,40	
96	Nguyễn Thiên	An	3673010634	09/04/1994	,00			Nợ HP
97	Nguyễn Minh	Cang	3673010676	26/09/1994	7,50	9,00	8,60	
98	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	3673010695	06/01/1994	4,50	5,50	5,20	
99	Nguyễn Văn	Sang	3673010707	26/06/1993	,00			Nợ HP
100	Dương Bửu	Nguyệt	3673010737	08/07/1994	7,00	8,50	8,10	
101	Phạm Thanh	Quyên	3673010741	17/02/1994	5,00	6,50	6,10	
102	Nguyễn Thị Kiều	My	3673010749	19/10/1994	,00			Nợ HP
103	Trịnh Thị Cẩm	Linh	3673010765	21/10/1994	4,00	8,80	7,40	
104	Nguyễn Thúy	Nhi	3673010771	05/11/1994	4,00	5,30	4,90	
105	Trần Mỹ	Kim	3673010883	16/06/1994	4,30	4,00	4,10	
106	Phạm Thị Thu	Trang	3673010931	20/12/1993	4,50	3,30	3,70	
107	Trần Thị Kiều	My	3673011011	01/12/1993	5,30	7,30	6,70	
108	Trần Thị	Ánh	3673011014	09/07/1994	6,70	7,50	7,30	
109	Nguyễn Thị Đông	Sa	3673011059	20/10/1993	4,50	6,50	5,90	
110	Cao Nguyễn Quốc	Huy	3673011120	02/12/1994	5,00	8,00	7,10	
111	Lê Văn	Trọng	3673011161	19/02/1992	4,50	7,30	6,50	
112	Nguyễn Thị	Hiếu	3673011239	19/07/1994	6,50	7,80	7,40	
113	Trần Thị Ngọc	Dung	3673011255	21/10/1994	7,00	7,50	7,40	
114	Phạm Thị	Hoài	3673011289	28/10/1994	4,30	5,80	5,40	
115	Lê Thị Huyền	Trâm	3673011586	30/07/1994	5,80	8,50	7,70	

Học phần : 0671009-8 - Toán cao cấp
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
116	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	3673011623	19/06/1994	7,50	6,80	7,00	
117	Nguyễn Trung	Nguyên	3673011876	07/01/1994	6,00	5,50	5,70	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)